BẢNG TỔNG HỢP Ý KIẾN CÁC ĐƠN VỊ
DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI ĐIỀU 15 NĐ 25 VÀ ĐIỀU 30 NĐ 174

261016

STT	Nội dung góp ý	Đơn vị góp ý	Tiếp thu, giải trình
1	**Về các loại giấy tờ cá nhân, tổ chức phải xuất trình**		
	đề nghị bỏ cụm từ “chứng minh thư nhân dân”, vì hiện tại không sử dụng loại giấy tờ này	BCA, VNPT, Sở TTTT Hà Nội, Bình Thuận, Gia Lai. Nghệ an	**Đề xuất tiếp thu** Dự thảo NĐ đã chỉnh sửa, bổ sung theo ý kiến góp ý tại điểm a khoản 1 Điều 1
	bổ sung "hộ chiếu quốc gia"	BCA	
	đề nghị xem xét việc quy định về "xuất trình đồng thời giấy giới thiệu có chữ ký người đại diện theo pháp luật của tổ chức" vì mâu thuẫn với nội dung "xuất trình 1 trong số các giấy tờ sau" và theo quy định thì giấy giới thiệu không phải là văn bản ủy quyền và trong trường hợp nếu người đến giao kết là người đại diện theo pháp luật của tổ chức thì sẽ không có	VNPT, Sở Lào Cai	**Đề xuất tiếp thu** Dự thảo NĐ đã chỉnh sửa tại điểm b khoản 1 Điều 1

STT	Nội dung góp ý	Đơn vị góp ý	Tiếp thu, giải trình
	đề nghị sửa cụm từ "người dưới 14 tuổi (chưa có thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu)" thành "người dưới 18 tuổi"	VNPT	**Đề xuất tiếp thu có chỉnh sửa** Dự thảo NĐ đã lược bỏ cụm từ "chưa có thẻ công dân hoặc hộ chiếu" tuy nhiên vẫn giữ giới hạn "dưới 14 tuổi" để thống nhất với quy định tại Luật Căn cước công dân về việc cá nhân trên 14 tuổi sẽ được cấp Căn cước công dân
	đề nghị bổ sung giấy tờ công chứng/chứng thực hợp pháp thay vì chỉ được xuất trình bản chính	VNPT	**Đề xuất tiếp thu có chỉnh sửa** Các quy định hiện hành (Nghị định số 23/2015/NĐ-CP) quy định các cá nhân, tổ chức có thể nộp bản sao chứng thực/bản sao trong các hồ sơ có liên quan chứ không quy định về việc bản sao chứng thực có thể xuất trình thay bản chính, đồng thời để tạo điều kiện cho thuê bao là tổ chức, dự thảo đã bổ sung, chỉnh sửa theo hướng: đối với cá nhân thì dùng bản chính, tổ chức thì dùng bản chính hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính

STT	Nội dung góp ý	Đơn vị góp ý	Tiếp thu, giải trình
	Thực tiễn quốc tế yêu cầu người nước ngoài phải xuất trình hộ chiếu nhưng có visa hay thời lượng còn lại cho người đó đăng ký dịch vụ trả sau tối thiểu 1-2 năm để tranh trường hợp khách hàng không thanh toán theo hợp đồng và lãng phí tài nguyên	VNPT	**Đề xuất tiếp thu có chỉnh sửa** Dự thảo đã nghiên cứu Thông tư 04 và chỉnh sửa theo hướng đối với người có quốc tịch nước ngoài cần bổ sung thêm visa (đối với các nước mà VN yêu cầu phải có visa)
	Đề nghị bổ sung CMND của công an, quân đội	Viettel	**Đề xuất giữ nguyên** CMND của cán bộ công an, quân đội là những giấy tờ mang tính đặc thù của ngành (thậm chí còn mang tính Mật) nên nếu sử dụng sẽ rất khó khăn trong việc đối chiếu, xác minh. Ngoài ra, bên cạnh việc được cấp CMND của ngành thì các cán bộ công an, quân đội đều có CMND/thẻ căn cước phổ thông, đáp ứng các yêu cầu của dự thảo
2	**Về TTTB mà DNVT phải nhập, lưu giữ**		
	Đề nghị bổ sung thông tin: quốc tịch, giới tính, địa chỉ thu cước (trả sau), ngày kích hoạt dịch vụ, loại hình thuê bao (trả trước/trả sau) đối với thuê bao cá nhân	BCA	**Đề xuất tiếp thu** Dự thảo NĐ đã bổ sung thêm các thông tin theo đề xuất của BCA tại điểm a khoản 2 và điểm b khoản 4, ngoài ra dự thảo cũng bổ sung thêm 1 số thông tin có liên quan số hộ chiếu, số máy thuê bao.
	Đề nghị bổ sung nơi thu cước, thông tin giấy giới thiệu (số, ngày cấp, người cấp, chức danh), thông tin người đại diện đến giao kết (số CMND, nơi cấp, ngày cấp, họ tên, ngày sinh, quốc tịch, giới tính, địa chỉ, chức vụ), số lượng thuê bao, thông tin chi tiết các số thuê bao (loại hình, trạng thái hoạt động, địa chỉ thu cước (trả sau), ngày kích hoạt, ngày tạm dừng) đối với tổ chức	BCA	
	Điều chỉnh "địa chỉ thường trú" thành "nơi thường trú"	BCA	

STT	Nội dung góp ý	Đơn vị góp ý	Tiếp thu, giải trình
3	**Nơi giao kết hợp đồng, điều kiện giao dịch chung**		
	Đề nghị bổ sung vào khoản 3, 4 Điều 15 vào khái niệm điểm cung cấp dịch vụ viễn thông bao gồm cả điểm lưu động để rõ ràng và thuận lợi trong việc triển khai nghĩa vụ tại khoản 5	VNPT	**Đề xuất tiếp thu** Trên cơ sở ý kiến của các đơn vị (VNPT, các Sở), dự thảo đã nghiên cứu, đề xuất làm rõ điểm CCDVVT cố định và lưu động
	Đối với điểm lưu động đề nghị cho phép có nhân viên giao dịch hoặc cộng tác viên có ký hợp đồng lao động tối thiểu 3 tháng và doanh nghiệp báo cáo theo quý	VNPT	**Đề xuất tiếp thu có chỉnh sửa** Dự thảo đã điều chỉnh theo hướng thống nhất các điều kiện đối với các điểm CCDVVT (đều phải có nhân viên của DNVT) đồng thời không yêu cầu doanh nghiệp báo cáo Sở mà chỉ cần cập nhật danh sách lên trang TTĐT của DN
	Đề nghị làm rõ "cơ quan QLNN có thẩm quyền tại địa phương"	VNPT, Sở Sơn La, Hà Nam, Bình Định	
	Đề nghị tách riêng trường hợp điểm lưu động để phù hợp với yêu cầu thực tiễn và điều chỉnh thời gian yêu cầu báo cáo (trước 7 ngày) theo hướng giảm bớt để phù hợp	Sở Lào Cai	
	Đề nghị chỉ cho phép bán SIM di động tại điểm CCDVVT công cộng của DNVT và các điểm bưu cục, văn hóa xã. Không cho phép bán SIM đối với các điểm ủy quyền cá nhân, tổ chức bên ngoài vì đây là đối tượng chủ yếu thực hiện sai quy định	Sở Cần Thơ	**Đề xuất tiếp thu có chỉnh sửa** Trên cơ sở ý kiến của các đơn vị (VNPT, VT, các Sở), dự thảo đã nghiên cứu, đề xuất lựa chọn phương án cho triển khai điểm của DNVT và điểm bưu chính
	Đề nghị xem xét việc cho phép các đại lý ủy quyền được thực hiện giao kết hợp đồng. Theo Viettel nên để DN chủ động trong hoạt động kinh doanh	Viettel	**Đề xuất tiếp thu có chỉnh sửa** Trên cơ sở ý kiến của các đơn vị (VNPT, VT, các Sở), dự thảo đã nghiên cứu, đề xuất lựa chọn phương án cho triển khai điểm của DNVT và điểm bưu chính

STT	Nội dung góp ý	Đơn vị góp ý	Tiếp thu, giải trình
	Đề nghị cân nhắc nên cho phép DNVT đa dạng hóa các hình thức cung cấp SIM cho người tiêu dùng	Bộ Tư pháp	**Đề xuất giữ nguyên như dự thảo** Theo quy định hiện nay và trong thực tế, SIM thuê bao phải đăng ký thì mới sử dụng được nên không có sự cần thiết phải bán SIM riêng lẻ, hơn nữa việc để các kênh phân phối SIM tự do như hiện nay chỉ tạo điều kiện cho việc mua bán SIM kích hoạt sẵn. Như đã giải trình trong dự thảo Tờ trình Chính phủ, SIM thuê bao (đã gắn số điện thoại) là 1 phần của việc cung cấp dịch vụ viễn thông (kho số viễn thông được nhà nước cấp cho doanh nghiệp để cung cấp dịch vụ viễn thông, và chỉ khi có số thì người sử dụng dịch vụ mới có thể sử dụng dịch vụ viễn thông). Do vậy, để cung cấp được nhiều SIM, đăng ký được nhiều thông tin thuê bao nhằm được hưởng quyền lợi về kinh tế (doanh nghiệp phải chi trả hoa hồng cho điểm cung cấp SIM, đăng ký thông tin thuê bao khi các điểm đó cung cấp được SIM, hoàn thành đăng ký thông tin cho khách hàng) thì các đại lý cung cấp SIM thường tìm cách kết hợp với các điểm đăng ký thông tin thuê bao đăng ký khống thông tin thuê bao để kích hoạt trước SIM, đáp ứng tâm lý của một bộ phận không nhỏ người sử dụng dịch vụ.
4	**Trách nhiệm của DNVT đối với Điểm CCDVVT (điều kiện hoạt động của điểm CCDVVT)**		
	Đề nghị xem xét quy định điểm CCDVVT phải "Kiểm tra giấy tờ của tổ chức, cá nhân là đúng của tổ chức, cá nhân đến thực hiện giao kết hợp đồng, điều kiện giao dịch chung" vì việc xác định thật, giả là rất khó. DN chỉ có thể bảo đảm việc ghi đúng, đầy đủ thông tin theo các giấy tờ mà thuê bao xuất trình	VNPT	**Đề xuất tiếp thu** Quy định này của dự thảo chỉ nhằm cụ thể hóa các quy định đã có tại Luật VT cũng như các quy định trước đây (NĐ 25, Thông tư 04) theo đó DNVT phải chịu trách nhiệm bảo đảm tính chính xác của TTTB trước khi cho phép thuê bao hòa mạng. Mặt khác, Quy định như vậy chỉ yêu cầu nhân viên so sánh thông tin/ảnh trong giấy tờ đúng là của cá nhân/tổ chức đến đăng ký (có thể quan sát bằng mắt thường và trang bị thêm các camera giám sát, lưu lại hình ảnh người đến đăng ký để đối chiếu, chứng minh khi có yêu cầu)
	Đề nghị các điểm CCDVVT phải có biển hiệu	Sở Sóc Trăng, Quảng Bình, Hà Nam	**Đề xuất tiếp thu** Dự thảo đã bổ sung, chỉnh sửa theo góp ý của các Sở
	Đề nghị xem xét gắn trách nhiệm hình sự áp dụng đối với người sử dụng và người đăng ký thông tin thuê bao nếu có vi phạm	Viettel	**Đề xuất giữ nguyên** Nội dung này không thuộc phạm vi của dự thảo Nghị định

STT	Nội dung góp ý	Đơn vị góp ý	Tiếp thu, giải trình
5	**Cung cấp SIM thuê bao di động**		
	Đề nghị chọn phương án 1 (giữ theo TT 04, 1 người được sử dụng 3 SIM/1 mạng, 1 tổ chức được sử dụng 100 SIM/1 mạng)	HTC, Mobifone và 16/30 Sở chọn PA này	**Đề xuất tiếp thu theo phương án 1 có chỉnh sửa** Pháp luật hiện hành không giới hạn số lượng SIM thuê bao hình thức trả sau. Tuy nhiên đối với hình thức trả trước, do hạn chế về khả năng kiểm soát trong trường hợp một cá nhân có thể đăng ký hàng trăm thậm chí hàng ngàn số thuê bao; một tổ chức có thể đăng ký số lượng thuê bao rất lớn mà khi phát hiện ra hành vi vi phạm pháp luật thì có thể đã quá muộn hoặc xử lý rất khó, pháp luật hiện hành đang quy định mỗi cá nhân được sở hữu 3 SIM trả trước/1 mạng viễn thông di động; mỗi tổ chức được sở hữu 100 SIM trả trước/1 mạng viễn thông di động (nghĩa là với thực tế hiện nay có 5 mạng viễn thông di động thì mỗi cá nhân có thể sở hữu 15 SIM trả trước, 1 tổ chức có thể sở hữu 500 SIM trả trước). Trên thế giới, một số nước cũng có qui định hạn chế số lượng SIM thuê bao trả trước tương tự như của ta (trường hợp của Singapore là mỗi cá nhân được sở hữu tối đa không quá 10 SIM cho tất cả các mạng di động). Trong quá trình xin ý kiến, cũng đã có nhiều ý kiến khác nhau. Một số đơn vị ủng hộ phương án như pháp luật hiện hành (HTC, Mobifone và 16/30 Sở), một số đơn vị ủng hộ phương án như của Singapore (Bộ Công an, 8 Sở, Viettel). Riêng Bộ Tư pháp, Sở Thông tin và Truyền thông TP Hồ Chí Minh, Sở Thông tin và Truyền thông Hải Phòng và VNPT có ý kiến xem xét sự cần thiết và sự hợp hiến của việc giới hạn số lượng SIM. Sau khi cân nhắc, Bộ Thông tin và Truyền thông thấy rằng trước mắt vẫn nên giữ qui định như pháp luật hiện hành; và sau một thời gian, căn cứ kết quả triển khai thực tế và đặc biệt nếu có sự hỗ trợ của cơ sở dữ liệu dân cư của Bộ Công an, thì Bộ Thông tin và Truyền thông sẽ nghiên cứu, đề xuất với Chính phủ để điều chỉnh lại qui định này cho phù hợp (khoản 7 Điều 15 Nghị định 25 được sửa đổi tại Điều 1 Nghị định).
	Đề nghị chọn phương án 2 (1 người được sử dụng 10 SIM/tất cả các mạng; 1 tổ chức được sử dụng 100 SIM/tất cả các mạng)	BCA, Viettel và 8/30 Sở chọn PA này	
	Đề nghị cân nhắc sự cần thiết và sở cứ pháp lý của việc quy định về giới hạn SIM	Bộ Tư pháp, VNPT, Sở HCM, Sở Hải phòng	
	Đề nghị phân tích rõ hơn ưu nhược điểm của 2 phương án	Sở Hà Nội	

STT	Nội dung góp ý	Đơn vị góp ý	Tiếp thu, giải trình
6	**Hệ thống CSDL TTTB của DNVT**		
	Đề nghị nghiên cứu, phối hợp với Tổng Cục Cảnh sát (Cục C72) trong việc kết nối CSDL TTTB của DNVT với CSDL quốc gia về dân cư để đối soát, xác thực TTTB	BCA	**Đề xuất tiếp thu** Dự thảo đã bổ sung liên quan đến trách nhiệm của BCA trong công tác kết nối CSDL của DNVT để kiểm tra, rà soát, bảo đảm tính chính xác của TTTB
	Đề nghị làm rõ kết nối CSDL với cơ quan nào để tránh lộ lọt thông tin và không gây khó khăn, tốn kém cho DN	VNPT	**Đề xuất tiếp thu** Dự thảo đã tiếp thu và chỉnh sửa theo hướng quy định rõ tại khoản 7 Điều 15 "kết nối cơ sở dữ liệu theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về viễn thông và an ninh quốc gia" nhằm thống nhất với quy định hiện hành (TT 04/2012/TT-BTTTT), đề xuất của BCA và DNVT
	Đề nghị làm rõ yêu cầu kỹ thuật của hệ thống CSDL TTTB mà DN phải xây dựng	HTC	**Đề xuất giữ nguyên** Dự thảo Nghị định chỉ quy định mang tính nguyên tắc của việc ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ bao gồm việc lưu giữ, xây dựng CSDL TTTB còn việc xây dựng hệ thống chi tiết thì DN phải căn cứ vào yêu cầu (các TTTB nào phải lưu giữ, lưu giữ trong bao lâu) cũng như thực tế hoạt động của DN để xây dựng, cơ quan QLNN không thể có hướng dẫn chi tiết nội dung này
	Đề xuất chỉ cần lưu giữ dữ liệu bằng bản mềm thay vì bản cứng	HTC	**Đề xuất giữ nguyên** Các quy định của dự thảo NĐ hiện chỉ yêu cầu DNVT, điểm CCDVVT thực hiện việc lưu giữ dữ liệu bằng bản mềm (không bắt buộc phải sao lưu bản cứng), do vậy tùy trường hợp DN có thể thực hiện việc lưu bản cứng hay không (ví dụ với trả sau, khi ký hợp đồng hoặc với trả trước nếu có phiếu yêu cầu cung cấp dịch vụ cần KH ký (như hiện nay) thì DN vẫn cần lưu giữ bản cứng),

STT	Nội dung góp ý	Đơn vị góp ý	Tiếp thu, giải trình
7	**Trách nhiệm của DNVT, cá nhân, tổ chức**		
	Đề nghị làm rõ việc "Định kỳ háng tháng, DN phải bố trí nhân sự rà soát, kiểm tra tính chính xác của TTTB" là kiểm tra so với cái gì? Như thế nào? Có kiểm tra tất cả các thuê bao không	HTC	**Đề xuất tiếp thu có chỉnh sửa** Dự thảo đã chỉnh sửa theo hướng để doanh nghiệp tự xây dựng, ban hành quy trình nội dung kiểm tra. Cơ quan quản lý sẽ chỉ thanh tra, kiểm tra trên cơ sở các nội dung quy trình của DN
8	**Quy định về xử phạt**		
	Đề nghị tăng mức xử phạt "Phạt tiền 500.000 đồng trên mỗi thuê bao đối với doanh nghiệp viễn thông di động do đã cung cấp dịch vụ cho tổ chức, cá nhân có thông tin thuê bao không đầy đủ hoặc không chính xác" lên 1 triệu đồng trên 1 thuê bao	BCA	**Đề xuất tiếp thu** **D**ự thảo đã tiếp thu, chỉnh sửa khoản 2 Điều 3 theo ý kiến của BCA nhằm tăng tính răn đe, buộc DN thực hiện nghiêm các quy định có liên quan
	Đề nghị giữ nguyên mức xử phạt theo NĐ 174 hoặc chỉ tăng mức xử phạt thêm 10 - 20%	VNPT, HTC	
	Đề nghị bỏ hành vi "hoặc không chính xác" tại khoản 2 Điều 30 vì việc khai thông tin không chính xác là lỗi của cá nhân, tổ chức chứ không phải của DNVT	VNPT	**Đề xuất tiếp thu có chỉnh sửa** Dự thảo đã điều chỉnh thay thế thuật ngữ "không chính xác" bằng "không thực hiện đúng quy định" để bảo đảm tính minh bạch và có sở cứ thực hiện
	Tại khoản 9, đề nghị bổ sung Điểm c: *"Doanh nghiệp viễn thông di động thực hiện giao kết hợp đồng, điều kiện giao dịch chung vượt quá số lượng SIM quy định tại Điểm a, khoản 6, Nghị định 25/2011/NĐ-CP ngoài việc xử phạt theo Điểm b, khoản 7, Nghị định 174/2013/NĐ-CP, còn phải chịu phạt tiền 500.000 VNĐ (năm trăm nghìn đồng) trên mỗi SIM phát sinh"*. Việc quy định rõ mức phạt vượt quá số lượng cụ thể, nhằm tránh trường hợp doanh nghiệp viễn thông di động chấp nhận mức phạt khi tổ chức, cá nhân sử dụng vượt quá số lượng SIM thuê bao trả trước theo quy định.	BCA	**Đề xuất giữ nguyên** Khoản 2 Điều 2 đã quy định mức phạt đối với từng SIM sai phạm, do đó không thể bổ sung thêm vì sẽ trùng lặp
	Khoản 10, đề nghị sửa lại như sau: *"Doanh nghiệp viễn thông di động có trách nhiệm nộp lại doanh thu có được ... tại Khoản 2 và Điểm d Khoản 7 Điều này"*.	BCA	**Đề xuất giữ nguyên** Nội dung trình bày như dự thảo là phù hợp với phương thức trình bày của Luật xử phạt vi phạm hành chính

STT	Nội dung góp ý	Đơn vị góp ý	Tiếp thu, giải trình
10	**Điều khoản chuyển tiếp**		
9	Đề nghị chỉ áp dụng mức xử phạt theo dự thảo NĐ đối với các thuê bao phát triển mới từ thời điểm NĐ có hiệu lực, các thuê bao cũ để DN chủ động rà soát	Mobifone	**Đề xuất tiếp thu** Dự thảo Nghị định đã bổ sung, làm rõ tại Điêu 4 theo đề xuất của Mobifone đối với hành vi xử phạt
	Đề nghị lùi thời gian Các doanh nghiệp viễn thông di động có trách nhiệm rà soát, thu hồi toàn bộ số SIM thuê bao di động đã đăng ký sẵn thông tin thuê bao không đáp ứng quy định tại Nghị định này trên các kênh phân phối trước ngày 01/01/2017 sang 7/2017	VNPT, Viettel	**Đề xuất giữ nguyên** Có ba hoạt động mà doanh nghiệp cần nhiều thời gian để triển khai khi Nghị định này có hiệu lực, bao gồm: một là tổ chức, thiết lập hệ thống các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông, trong đó có bao gồm việc lựa chọn và ký hợp đồng ủy quyền cho các tổ chức đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp; hai là thiết kế lại cơ sở dữ liệu thông tin thuê bao của doanh nghiệp và phần mềm quản lý tại các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông, do Nghị định này đã bổ sung một số trường thông tin mà doanh nghiệp phải lưu giữ trong cơ sở dữ liệu theo yêu cầu của Bộ Công an (giới tính, địa chỉ thường trú) và theo yêu cầu quản lý mới (họ tên nhân viên giao dịch và thông tin về điểm cung cấp dịch vụ viễn thông ký hợp đồng, điều kiện giao dịch chung); ba là yêu cầu toàn bộ các thuê bao trả trước hiện nay đến các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông để cung cấp thông tin (do không có cách nào biết thông tin trên cơ sở dữ liệu hiện nay có chính chủ hay không, và cần phải bổ sung một số trường thông tin mới). Các doanh nghiệp viễn thông đề nghị kéo dài thời gian rà soát, triển khai cung cấp lại thông tin thuê bao thành 1 năm. Sau khi cân nhắc, Bộ Thông tin và Truyền thông thấy rằng nếu Nghị định này kịp ban hành trước cuối tháng 12/2016 thì nên qui định Nghị định này sẽ có hiệu lực từ 1/3/2017; doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm tổ chức lại hệ thống điểm cung cấp dịch vụ viễn thông, xây dựng hệ thống kỹ thuật và cơ sở dữ liệu thông tin thuê bao theo đúng qui định tại Nghị định này, hoàn thành trước ngày 1/3/2017. Trong thời gian 6 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm thông báo, yêu cầu, hướng dẫn, tổ chức cho toàn bộ các thuê bao di động trả trước xuất trình giấy tờ, cung cấp lại thông tin thuê bao theo đúng qui định tại Nghị định này. Từ 1/9/2017, bảo đảm toàn bộ các thông tin thuê bao trong cơ sở dữ liệu thông tin thuê bao của doanh nghiệp tuân thủ đúng các qui định tại Nghị định này (khoản 1, khoản 2 Điều 4 Nghị định).
	Đối với các TTTB mới so với quy định hiện nay (TT04/2012) như địa chỉ thường trú, họ tên nhân viên giao dịch, thời gian thực hiện giao dịch đề nghị cho áp dụng từ 1/8/2017 (do DNVT sẽ cần điều chỉnh, xây dựng lại hệ thống quản lý thuê bao hiện tại)	VNPT	

STT	Nội dung góp ý	Đơn vị góp ý	Tiếp thu, giải trình
10	**Các ý kiến khác**		
	Làm rõ khái niệm "điều kiện giao dịch chung"	VNPT	**Đề xuất giữ nguyên** Thuật ngữ "điều kiện giao dịch chung" đã được quy định trong Luật thương mại và được trích dẫn trong NĐ 81/2016/NĐ-CP
	Tách nội dung sửa Điều 15 NĐ 25 và Điều 30 NĐ 174 thành 2 Điều riêng để dễ theo dõi	Sở Hà Giang	**Đề xuất tiếp thu** Dự thảo đã tách nội dung Điều 1 thành 2 Điều để dễ theo dõi.
	Rà soát, chỉnh sửa các lỗi chính tả		**Đề xuất tiếp thu** Dự thảo đã rà soát, chỉnh sửa theo góp ý của các Sở
	Đề nghị Rà soát, chỉnh sửa các hành vi xử phạt nhằm bảo đảm không trùng lặp và phù hợp với các quy định có liên quan		**Đề xuất tiếp thu** Dự thảo Nghị định đã rà soát, chỉnh sửa lược bỏ các nội dung trùng lặp